

## THÔNG BÁO

**Về sản lượng điện tiết kiệm khối các cơ quan Hành chính sự nghiệp  
và chiếu sáng công cộng tuần 19 từ ngày 2/5 đến ngày 8/5 năm 2025**

Kính gửi: Văn phòng Ủy ban Nhân dân huyện Chi Lăng

Căn cứ văn bản số 643/UBND-KTCN ngày 16/04/2025 của UBND tỉnh Lạng Sơn về việc V/v đẩy mạnh thực hiện các giải pháp tiết kiệm điện năm 2025 trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn.

Điện lực Chi Lăng thông báo tới Văn phòng UBND huyện Chi Lăng điện năng tiêu thụ của các cơ quan HCSN và chiếu sáng công cộng trên địa bàn huyện Chi Lăng tuần 19 từ ngày 2/5 đến ngày 8/5 năm 2025, cụ thể như sau:

1. Tổng số khách hàng thuộc đối tượng thống kê sản lượng: 257 khách hàng. Trong đó có 218 khách hàng đã có đo xa thống kê báo cáo theo tuần; 39 khách hàng chưa có đo xa thống kê báo cáo theo tháng.

2. Số liệu thống kê điện năng tiêu thụ tuần 19 năm 2025 từ ngày 2/5 đến 8/5 năm 2025 như sau:

\* Tổng sản lượng điện năng tiêu thụ của 218 điểm đo xa được là 31.136kWh, giảm so với tuần trước là 1.153kWh, tương ứng giảm 3,7%. Trong đó:

- Khối HCSN: Có 216 khách hàng, tổng điện năng tiêu thụ tuần là 30.263 kWh, giảm hơn tuần trước là 1.014kWh, tương ứng giảm 3,35%;

Trong tuần do nắng nóng, đa số các cơ quan sử dụng bằng hoặc tăng so với tuần trước. Một số cơ quan có mức tăng khá cao so với tuần trước. Cụ thể có 62/216 cơ quan sử dụng trong tuần tăng từ 10% trở lên, trong đó: có 35 Cơ quan tăng từ 10% đến dưới 30%, 16 cơ quan có mức tăng từ 30% đến dưới 50% và có 11 cơ quan có mức tiêu thụ tăng trên 50%.

Các đơn vị có mức tăng cao nhất lên là: Trường Mầm Non Sơn Ca, Điện năng tiêu thụ tuần là 131 kWh, tăng 92,08% ; Trung Tâm Y tế huyện, điện năng tiêu thụ tuần là 225 kWh tăng 76,72%; Trung Tâm dịch vụ nông nghiệp, điện năng tiêu thụ tuần là 173 kWh tăng 74,45%;

- Khối CSCC có 14 điểm đo, trong đó có 12 điểm đo không đo xa được (sẽ báo cáo theo tháng), còn lại có 2 điểm đo: Tổng điện năng tiêu thụ tuần là 873

kWh, giảm hơn tuần trước là 139kWh, tương ứng giảm 15,91%. Các điểm đo chiếu sáng công cộng đa số giảm.

*(Chi tiết theo phụ lục I đính kèm).*

Trên đây là kết quả theo dõi sản lượng điện năng tuần 19 năm 2025 của các khách hàng cơ quan HCSN và CSCC trên địa bàn huyện Chi Lăng.

Điện lực Chi Lăng thông báo tới Văn phòng UBND huyện, đăng trên trang thông tin điện tử huyện để các cơ quan cùng nắm biết và thực hiện./.

***Nơi nhận:***

- Như trên;
- PCLS;
- Lưu: VT, KDTH.

**KT.GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**

**Nguyễn Hùng Cường**

## PHỤ LỤC I

(Kèm theo thống báo số /TB-DLCL ngày 12 tháng 4 năm 2025 của Điện lực Chi Lăng)

### TỔNG HỢP SẢN LƯỢNG ĐIỆN ĐƠN VỊ HCSN; CSCC TUẦN 19 CÓ SẢN LƯỢNG SỬ DỤNG $\geq 100\text{kWh}$ , TĂNG TRÊN 10% SO VỚI TUẦN TRƯỚC

| Số TT | Tên khách hàng                      | Mã khách hàng | Sản lượng tuần 18 (25/4-1/5) | Sản lượng tuần 19 (2/5-8/5) | Sản lượng tăng (kWh) | Tỷ lệ tăng/giảm (%) |
|-------|-------------------------------------|---------------|------------------------------|-----------------------------|----------------------|---------------------|
| I     | <b>KHỐI CƠ QUAN HCSN</b>            |               |                              |                             |                      |                     |
| 1     | Trường Mầm Non Sơn Ca               | PA11CG0021855 | 68                           | 131                         | 63                   | 92.08               |
| 2     | Trung Tâm Y Tế Huyện                | PA11CGCG51026 | 127                          | 225                         | 98                   | 76.72               |
| 3     | Trung Tâm Dịch Vụ Nông Nghiệp       | PA11CGCG51115 | 99                           | 173                         | 74                   | 74.45               |
| 4     | UBND Xã Chi Lăng                    | PA11CG0013530 | 407                          | 675                         | 268                  | 65.97               |
| 5     | Trường Mầm Non Xã Mai Sao           | PA11CG0009280 | 75                           | 125                         | 50                   | 65.86               |
| 6     | Phòng Lao Động,TB,XH-DT             | PA11CG0011929 | 80                           | 129                         | 49                   | 61.65               |
| 7     | UBND Xã Bắc Thủy                    | PA11CG0008769 | 193                          | 279                         | 86                   | 44.76               |
| 8     | Phòng Nông Nghiệp Và PTNT           | PA11CGCG51128 | 187                          | 271                         | 84                   | 44.64               |
| 9     | Trạm Y Tế Xã Chi Lăng               | PA11CG0015743 | 96                           | 136                         | 40                   | 41.81               |
| 10    | Văn phòng HĐND & UBND huyện         | PA11CG0023328 | 94                           | 133                         | 39                   | 41.55               |
| 11    | Trường Trung Học Phổ Thông Chi Lăng | PA11CG0014356 | 456                          | 645                         | 189                  | 41.49               |
| 12    | Trạm y tế Thị trấn Chi Lăng         | PA11CGCG51097 | 90                           | 126                         | 36                   | 40.00               |
| 13    | Trạm Y Tế Xã Mai Sao                | PA11CG0009254 | 88                           | 123                         | 35                   | 39.46               |
| 14    | Công An TT.Chi Lăng                 | PA11CGCG53014 | 227                          | 310                         | 83                   | 36.56               |
| 15    | Trường Trung Học Cơ Sở Xã Vạn Linh  | PA11CG0002911 | 82                           | 110                         | 28                   | 34.02               |
| 16    | UBND Thị trấn Chi Lăng              | PA11CG0023623 | 139                          | 184                         | 45                   | 32.36               |
| 17    | UBND Thị trấn Chi Lăng              | PA11CGCG39156 | 307                          | 405                         | 98                   | 31.92               |
| 18    | Viện Kiểm sát Nhân dân Huyện        | PA11CGCG51126 | 294                          | 378                         | 84                   | 28.73               |

|    |                                         |               |     |     |     |       |
|----|-----------------------------------------|---------------|-----|-----|-----|-------|
| 19 | Huyện ủy Chi Lăng                       | PA11CG0023665 | 408 | 509 | 101 | 24.77 |
| 20 | Kho Bạc Nhà Nước huyện Chi Lăng         | PA11CGCG51174 | 116 | 144 | 28  | 24.08 |
| 21 | Trường Mầm non Thị trấn Chi Lăng        | PA11CG0008201 | 421 | 517 | 96  | 22.80 |
| 22 | Trường Trung Học Cơ Sở Xã Chi Lăng      | PA11CG0013334 | 392 | 480 | 88  | 22.51 |
| 23 | Chi cục Thi Hành Án dân sự huyện        | PA11CG0000445 | 109 | 132 | 23  | 21.40 |
| 24 | Toà án nhân dân huyện                   | PA11CGCG51023 | 288 | 348 | 60  | 20.78 |
| 25 | Trường Trung Học Cơ Sở thị trấn Đồng Mỏ | PA11CG0023878 | 130 | 156 | 26  | 20.13 |
| 26 | Trung Tâm Phát Triển Quỹ Đất Huyện      | PA11CG0023335 | 278 | 327 | 49  | 17.66 |
| 27 | Trung Tâm Văn Hóa, TT và TT             | PA11CGCG51047 | 91  | 106 | 15  | 15.89 |
| 28 | Công An Huyện                           | PA11CG0023345 | 447 | 515 | 68  | 15.24 |
| 29 | Ban Quản Lý Nước Sinh hoạt Xã Bằng Hữu  | PA11CG0023364 | 256 | 295 | 39  | 15.09 |
| 30 | UBND Xã Mai Sao                         | PA11CG0009279 | 395 | 449 | 54  | 13.77 |
| 31 | Ban CHQS Huyện Chi Lăng                 | PA11CGCG51006 | 157 | 177 | 20  | 12.72 |
| 32 | Trường Trung Học Cơ Sở Quang Lang       | PA11CG0000353 | 249 | 278 | 29  | 11.75 |
| 33 | Trường Trung Học Cơ Sở Xã Vạn Linh      | PA11CG0002912 | 108 | 120 | 12  | 11.08 |

|           |                                                                |               |     |     |      |        |
|-----------|----------------------------------------------------------------|---------------|-----|-----|------|--------|
| <b>II</b> | <b>KHỐI CƠ QUAN CHIẾU SÁNG</b>                                 |               |     |     |      |        |
| 1         | Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện Chi Lăng (Đèn đường K.HB2)      | PA11CG0000022 | 151 | 118 | -33  | -21.60 |
| 2         | Phòng Kinh tế Hạ tầng huyện Chi Lăng (đèn đường khu trung tâm) | PA11CG0020018 | 861 | 755 | -106 | -12.35 |